

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T TỈNH B**

Bản án số: 08/2022/HS-ST
Ngày: 14- 3-2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Dương Thị M.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thông P;

2. Ông Trần T.

- Thư ký phiên toà: Bà Lương Thị T – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện T, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh B tham gia phiên toà:
Bà Đinh Thị Vân A - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2022, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 61/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2022 đối với các bị cáo:

1.Họ và tên: **Dương Minh P**, sinh năm 2003 tại tỉnh B; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã H, huyện T, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Thợ cắt tóc; Trình độ học vấn: 8/12; Tiền án, tiền sự: không; Con ông: Dương N, sinh năm 1968 (Đã chết); Con bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1971; Anh chị em ruột: có 04 người, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; Vợ, con: chưa có.

Bị cáo Dương Minh P bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/9/2021 tại Nhà tạm giữ Công an huyện T cho đến nay. Có mặt tại tòa.

2.Họ và tên: **Võ Đình S**, sinh năm 2003 tại tỉnh B; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: thôn A, xã H, huyện T, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 10/12; Tiền án, tiền sự: không; Con ông: Võ Đình Q - Sinh năm 1970; Con bà Phạm Thị T, sinh năm 1972; Anh chị em ruột: Có 06 người, bị cáo là con thứ sáu trong gia đình; Vợ, con: chưa có.

Bị cáo Võ Đình S bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/9/2021 tại Nhà tạm giữ Công an huyện T cho đến nay. Có mặt tại tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Nguyễn Phước T, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện T, tỉnh B. Vắng mặt.

- Huỳnh Kim S, sinh năm 1997; Nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện T, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ, ngày 11/9/2021, Dương Minh P và Võ Đình S cùng trú thôn A, xã H, huyện T bàn bạc góp tiền để mua ma túy để sử dụng, P góp 400.000 đồng, S góp 100.000 đồng. P điều khiển xe mô tô biển số: 86B7-473.34 chở S đi gặp Huỳnh Kim S1, sinh năm 1997 ở thôn C, huyện H nhờ S1 chỉ chỗ mua ma túy. S1 cho P mượn tài khoản Zalo “SH” của S1 gọi cho Nguyễn Phước T1 (tên thường gọi là B1 ở thôn C, xã H, huyện T nhờ T1 liên hệ với người bán ma túy giúp thì T1 đồng ý. T1 gọi điện cho đối tượng tên T2 ở huyện H để mua ma túy đá cho P và S (T1 quen biết T2 từ trước và biết T2 có bán ma túy). Sau đó T1 liên lạc với P qua tài khoản Zalo “*Mày chạy ra ngoài căn cứ đi rồi tao nói nó đem ra cho, đi xe gì ra để tao nói cho bên kia biết*”. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, P sử dụng tài khoản Zalo “SH” gọi cho T1 nói “*Em tới ngã 3 căn cứ rồi*”. T1 gọi điện thoại cho T2 nói “*Mấy đưa ra tới nơi rồi*”, T2 nói “*Kêu mấy đưa quay lại đi gặp người đi xe Wave mặc áo màu đỏ thì đưa tiền là có ma túy*”; T1 gọi cho tài khoản Zalo “SH” nói với P quay lại gặp người có đặc điểm như T2 nói thì P và S gặp người thanh niên khoảng 30 tuổi điều khiển xe sirius màu đỏ đen chạy đến hướng dẫn P bỏ 500.000 đồng vào gói thuốc lá vứt xuống đường rồi chạy đi một đoạn. Sau khi lấy tiền trong vỏ gói thuốc thì người thanh niên vứt gói ma túy được quấn trong giấy vệ sinh gần vị trí P, S đang đứng. Lúc này, P nhặt gói ma túy, bỏ vào miệng ngậm và điều khiển xe chở S chạy về xã H, huyện T. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, khi đi đến chốt kiểm soát dịch Covid-19 thuộc thôn D, xã K, huyện T, tỉnh B, tổ công tác kiểm soát dịch yêu cầu dừng xe để kiểm tra, khai báo y tế nhưng P và S không xuất trình được giấy tờ tùy thân nên lực lượng Công an tiến hành kiểm tra hành chính Dương Minh P, Võ Đình S thì phát hiện P đang ngậm trong miệng 01 gói nylon bên trong có chất màu trắng. Qua làm việc P khai nhận chất bột màu trắng đựng trong gói ni lon là ma túy. Lực lượng Công an thu giữ số ma túy và tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy đối với P và S, tạm giữ 01 gói nylon kích thước 1,5cm x 03cm, bên trong có chứa chất màu trắng được niêm phong ký hiệu M; 01 xe mô tô hiệu SUZUKI SATRIA biển số 86B7-47334 do Võ Đình Q đứng tên; 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu hồng nhạt A71K đã qua sử dụng có lắp thẻ sim số 0342543041. Quá trình điều tra: Dương Minh P, Võ Đình S khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại kết luận giám định số 1110/KLGD-PC09 ngày 16/9/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự CA tỉnh B kết luận:

Mẫu M gửi giám định có khối lượng 0,1805 gam; là Methamphetamine

Hoàn lại đối tượng sau giám định: Gói nylon đã nêu ở mục II và 0.1588 gam mẫu M còn lại sau giám định, được niêm phong trong phong bì số 1110 có chữ ký của giám định viên Đoàn Thảo N và hình dấu trong màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh B.”

Tại bản cáo trạng số 02/CT-VKSND-TL ngày 28/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh B truy tố **các bị cáo** Dương Minh P và Võ Đình S về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát huyện T vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Dương Minh P và Võ Đình S như nội dung cáo trạng, khẳng định bản cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự tuyên bố các bị cáo Dương Minh P và Võ Đình S đều phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Dương Minh P, mức án từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù.

- Áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Võ Đình S mức án từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù.

- Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a khoản 2, **điểm a khoản 3** Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Đề nghị tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy 01 gói nylon đã cắt lấy mẫu và 0,1588 gam mẫu M còn lại sau giám định, được niêm phong trong phong bì số 1110 có chữ ký của giám định viên Đoàn Thảo N và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh B.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước - 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu hồng nhạt A71K.

* Tại phiên tòa các bị cáo Dương Minh P và Võ Đình S thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra Cơ quan đã thu thập đầy đủ lời khai của người liên quan. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về xác định hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại tòa, các bị cáo Dương Minh P và Võ Đình S thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố. Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với các lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập và thể hiện trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để kết luận:

Do có ý định mua ma túy về sử dụng nên ngày 11/9/2021, Dương Minh P rủ Võ Đình S đã cùng nhau góp tiền để mua (P góp 400.000đồng, S góp 100.000đồng). Thông qua Huỳnh Kim S1, P mượn tài zalo “SH” của S1 để liên lạc với Nguyễn Phước T1 nhờ T1 chỉ giúp địa chỉ bán ma túy. Sau đó theo sự chỉ dẫn và liên hệ với đối tượng bán ma túy của T1, P và S cùng điều khiển xe mô tô từ xã H, huyện T ra khu vực căn cứ 6 thuộc địa bàn thị trấn M, huyện H1, tỉnh B gặp một thanh niên lạ mặt (không rõ tên tuổi lai lịch); theo sự hướng dẫn của thanh niên này, P và S đã tiến hành giao tiền và nhận gói ma túy được quấn trong giấy vệ sinh. Sau khi nhận được ma túy thì P đã bỏ gói ma túy vào miệng ngậm và điều khiển xe mô tô chở S về lại xã H. Trên đường về, khi đến chốt kiểm dịch covid -19 thuộc thôn D, xã K thì P và S đã bị tổ kiểm soát dịch phát hiện hành vi tàng trữ trong miệng một gói nilon bên trong có chứa chất màu trắng.

Quá trình làm việc P đã khai nhận chất màu trắng trong gói nilon được thu giữ là chất ma túy nên đã bị lực lượng Công an lập biên bản phạm tội quả tang, tiến hành tạm giữ người và tạm giữ một số tang vật.

Theo bản Kết luận giám định số 1110/KLGD-PC09 ngày 16/9/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận:

- Mẫu M gửi giám định có khối lượng 0,1805 gam; là Methamphetamine.

- Hoàn lại đối tượng sau giám định: Gói nylon đã nêu ở mục II và 0.1588gam mẫu M còn lại sau giám định, được niêm phong trong phong bì số 1110 có chữ ký của giám định viên Đoàn Thảo N và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Thuận.

Như vậy, hành vi của các bị cáo Dương Minh P và Võ Đình S đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Hội đồng xét xử nhận thấy, các bị cáo Dương Minh P và Võ Đình S là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, không lo tu chí làm ăn, giúp đỡ cho gia đình, xã hội nhưng lại sớm sa vào tệ nạn xã hội sử dụng ma túy trái phép nên đã có hành vi mua, tàng trữ ma túy để sử dụng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền về ma túy của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, do đó cần phải xét xử các bị cáo thật nghiêm minh theo đúng quy định của pháp luật hình sự, cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ dài để răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Xét về vai trò của từng bị cáo trong vụ án:

Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Dương Minh P là người khởi xướng, rủ bị cáo S góp tiền để mua ma túy; số tiền bị cáo góp cũng nhiều hơn S (P góp 400.000đồng, S góp 100.000đồng); bị cáo P là người trực tiếp liên hệ với Huỳnh Kim S1 và Nguyễn Phước T1 để tìm cách tiếp cận với đối tượng bán ma túy và trực tiếp giao tiền, nhận ma túy và cất giữ ma túy cho đến khi bị phát hiện. Bị cáo S sau khi thống nhất ý chí với P, góp tiền và đi cùng với P đến nơi giao nhận ma túy. Do đó, Hội đồng xét xử đánh giá bị cáo Dương Minh P có vai trò tích cực hơn bị cáo S trong vụ án này. Cho nên khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo cần áp dụng đối với bị cáo P mức hình phạt cao hơn bị cáo S là phù hợp với tính chất hành vi của từng bị cáo trong vụ án.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bên cạnh đó, Hội đồng xét xử cũng xét thấy: Các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình nên cũng cần xem xét cho các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Liên quan trong vụ án này, Huỳnh Kim S1 cho bị cáo P mượn tài khoản zalo của mình để liên hệ với Nguyễn Phước T1 nhờ T1 liên hệ với đối tượng tên T2 mua ma túy; tuy nhiên S1 và T1 không hưởng lợi hay có hứa hẹn gì khác; hiện tại cũng không xác định được danh tính của đối tượng tên T2 nên không đủ căn cứ để xác định hành vi phạm tội của T1 và S1.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với vật chứng là: 01 gói nylon đã cắt lấy mẫu và 0,1588 gam mẫu M còn lại sau giám định, được niêm phong trong phong bì số 1110 có chữ ký của giám định viên Đoàn Thảo N và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Thuận.

Đây là chất ma túy, loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 và Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu hồng nhạt A71K của Dương Minh P là công cụ dùng để liên lạc, trao đổi, mua ma túy nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước là phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 47 và Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại các Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh:

Căn cứ vào: điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: Các bị cáo Dương Minh P và Võ Đình S đều phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ vào: điểm c khoản 1 Điều 249 ; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: bị cáo Dương Minh P 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 12/9/2021).

- Căn cứ vào: điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: bị cáo Võ Đình S 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 12/9/2021).

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 gói nylon đã cắt lấy mẫu và 0,1588 gam mẫu M còn lại sau giám định, được niêm phong trong phong bì số 1110 có chữ ký của giám định viên Đoàn Thảo N và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Thuận.

+Tịch thu, sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu hồng nhạt A71K.

Các vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/12/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T và Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

5. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Dương Minh P, Võ Đình S mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (14/03/2022); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

(Đã giải thích quyền kháng cáo)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Sở tư pháp tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Công an huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND địa phương nơi BC cư trú;
- Lưu HS – Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị M

